

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2022

“*V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thạch Thanh Long.
2. Ông Trần Trung Kiên.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2021/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/3/2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đặng Bảo T, sinh năm 1987. Địa chỉ: tổ A, khóm 3*, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Đặng Bảo T là nguyên đơn trình bày: vào tháng 6/2008 chị và anh C tìm hiểu, quen biết và được sự đồng ý của gia đình hai bên cho đi đến hôn nhân nhưng không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện B (nay phường C, thị xã B), tỉnh Vĩnh Long vào ngày 24/12/2012.

Sau khi chung sống với nhau vợ chồng về sống chung gia đình anh C tại ấp L, xã T, huyện C. Trong cuộc sống vợ chồng do gặp khó khăn về kinh tế nên thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột dẫn đến mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong việc làm ăn và cuộc sống hằng ngày, tình cảm vợ chồng. Từ đó vợ chồng ly thân nhau từ tháng 7/2017 cho đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 02 con chung tên Phạm Hoàng K, sinh ngày 25/10/2009 và Phạm Thị Cẩm H, sinh ngày 31/12/2012 hiện đang

sống với anh C.

Về tài sản chung: vợ chồng không có tạo lập tài sản chung.

Về nợ chung: vợ chồng không thiếu ai và không có ai thiếu nợ vợ chồng.

Nay về hôn nhân chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn C.

- Về con chung: sau khi ly hôn, chị đồng ý giao 02 đứa con cho anh C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn C là bị đơn vắng mặt có lời trình bày: do quen biết nhau anh với chị T đi đến sống chung với nhau như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới và không cho nữ trang nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được, vợ chồng đã ly thân nhau từ đó cho đến nay.

- Về con chung có 02 người tên Phạm Hoàng K, sinh ngày 25/10/2009 và Phạm Thị Cẩm H, sinh ngày 31/12/2012 hiện đang sống với tôi.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Nay về hôn nhân, tôi đồng ý ly hôn với chị Đặng Bảo T.

- Về con chung: sau khi ly hôn, tùy theo nguyện vọng của các con muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con tôi không đặt ra.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời trình bày của các em Phạm Hoàng K và Phạm Thị Cẩm H: các em là con của ông Phạm Văn C và bà Đặng Bảo T. Trường hợp cha mẹ ly hôn thì các em có nguyện vọng sống với cha là ông C.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân và không có cung cấp chứng cứ mới. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Phạm Văn C là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị Đặng Bảo T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Càng Long giải quyết vụ việc hôn nhân của chị. Theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Đặng Bảo T và anh Phạm Văn C xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2008. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 24/12/2012 nên hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp.

Quá trình chung sống hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng được chị T thừa nhận tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng xảy ra cự cãi nhau thường xuyên, mâu thuẫn kéo dài cho đến nay không khắc phục được. Vợ chồng ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay. Anh C cũng thừa nhận tại bản tự khai là trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng sống, tính tình không hợp với nhau. Từ đó hai người đã cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2017 cho đến nay.

Xét thấy, Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Đối với hôn nhân giữa chị T với anh C đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đến nay hai người mỗi người sống mỗi nơi, không còn sống chung với nhau nữa, không còn quan tâm chăm sóc, lẫn nhau. Tại phiên tòa hôm nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa. Từ đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T với anh C đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ và làm đơn xin ly hôn với anh C, anh C cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị T với anh C là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: có 02 người tên Phạm Hoàng K, sinh ngày 25/10/2009 và Phạm Thị Cẩm H, sinh ngày 31/12/2012 hiện đang sống với anh C. Nguyên vọng của các em K và H là được sống chung với anh C. Chị T và anh C cũng đồng ý với nguyện vọng của các con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cũng cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của các con chưa thành niên. Xét thấy từ khi chị T và anh C ly thân cho đến nay, các em K và H sống với bên anh C và do bên anh C chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo quyền lợi của các con về mọi mặt trong cuộc sống và hiện nay các em K và H có cuộc sống ổn định, được đến trường học và nguyện vọng của các em K và H mong muốn được sống chung anh C sau khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy nguyện vọng của các em K và H là phù hợp với quy định của pháp luật, từ đó nghĩ nên chấp nhận theo sự thỏa thuận của chị T và anh C và theo nguyện vọng của các em K và H nên công nhận cho anh C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con tên Phạm Hoàng K, sinh ngày 25/10/2009 và Phạm Thị Cẩm H, sinh ngày 31/12/2012.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: chị T và anh C chưa đưa ra yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: hai bên không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí: buộc chị Đặng Bảo T có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật. Anh Phạm Văn C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19, 51, 53 và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 01 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Bảo T.

[1] Về hôn nhân: Cho chị Đặng Bảo T được ly hôn với anh Phạm Văn C.

[2] Về con chung: Công nhận cho anh Phạm Văn C được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung tên Phạm Hoàng K, sinh ngày 25/10/2009 và Phạm Thị Cẩm H, sinh ngày 31/12/2012.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: chị T và anh C chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: các bên không yêu cầu pháp luật giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung phải thu, phải trả: hai bên xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Đặng Bảo T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0004256, ngày 29/3/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Chị T đã nộp đủ tiền án phí, không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với Phạm Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- UBND thị trấn C, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung